

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – HUNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2026/DSST
Ngày 21 tháng 4 năm 2026
V/v ly hôn, con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC I - TỈNH HUNG YÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Hoàng Thị A**

- *Các hội thẩm nhân dân:* Bà **Nguyễn Thị Kim H**

Ông **Nguyễn Viết Th**

Thư ký Tòa án phiên tòa: Ông **Dương Mạnh H** – Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực I – Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thảo Y** - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1- Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 322/2025/TLST-HNGĐ ngày 01/12/2025 về việc giải quyết ly hôn, con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2026/HNGĐ - QĐXX ngày 31/3/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Quý H, sinh năm 1980

Địa chỉ: Xóm 12, Thôn Thọ Lão, xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên

Người được ủy quyền: Bà Vương Thị Lan Anh – LS công ty Luật Thông Tuệ

Địa chỉ: Số 105, Phố Đình Thôn, phường Từ Liêm, Hà Nội

Bị đơn: Chị Hoàng Thị Thanh M, sinh năm 1981

Địa chỉ: Xóm 12, Thôn Thọ Lão, xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên

Địa chỉ hiện nay: Nhật Bản

Anh Lập có đơn đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Mai vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/11/2025 cùng các lời KH của anh H trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện như sau:

Anh Lê Quý H và chị Hoàng Thị Thanh Mai tự quen biết và kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quang Hưng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên (nay là xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên) vào năm 2004. Sau kết hôn vợ chồng anh làm ăn sinh sống cùng gia đình tanh ở địa phương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận nhưng sau đó thường xuyên nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, do kinh tế gia đình khó khăn đã làm cho vợ chồng luôn khúc mắc, từ những vấn đề nhỏ nhất H bên cũng không tự giải quyết được đã âm ỉ dẫn đến những mâu thuẫn lớn hơn, tình cảm vợ chồng rạn nứt, vì các con nên

cả H cố gắng nhẫn nhịn, bằng mặt nhưng không bằng lòng, tuy ở cùng nhau nhưng việc ai người đó làm, chỉ những việc có liên quan đến các con, đến bố mẹ H bên thì vợ chồng mới nói chuyện với nhau, do cuộc sống ngột ngạt nên từ năm 2018 vợ chồng đã sống ly thân, cô Mai chuyển về bên ngoại sinh sống còn tôi và các con ở gia đình tôi, vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ, không còn quan tâm gì đến nhau, đầu năm 2025 cô Mai sang Nhật Bản làm ăn. Nay anh xác định không còn tình cảm, hạnh phúc không còn nên anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho anh được ly hôn cô Mai để ổn định cuộc sống của các bên.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Lê Thị Lan Hương, sinh ngày 19/7/2005, Lê Thanh Vân, sinh ngày 21/8/2012 và Lê Minh Khang, sinh ngày 08/11/2018. Cháu Hương đã trên 18 tuổi, tự lập được cuộc sống nên anh H không có yêu cầu gì. Đối với cháu Vân, cháu Khang anh H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả H con chung đến tuổi thành niên và không yêu cầu cô Mai cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện gia đình chị Mai (bà Hồi) có ý kiến: Anh H, chị Mai tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình anh H, vợ chồng cũng tồn tại nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, do anh H không chung thủy đã làm cho tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không còn yêu thương nhau, tháng 09/2025 chị Mai sáng Nhật Bản làm ăn, địa chỉ cụ thể thì bà không nắm được, gia đình vẫn thường xuyên liên lạc với chị Mai qua điện thoại. Việc ly hôn của vợ chồng anh H, bà Hồi không can thiệp và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Liên quan đến các văn bản tố tụng của tòa án gửi cho chị Mai, bà Hồi nhận và cam đoan sẽ thông báo nội dung, gửi cho chị Mai. Quá trình giải quyết vụ án bà Hồi đã thông báo các văn bản của Tòa án cho chị Mai, chị Mai có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và đề nghị được vắng mặt. Vợ chồng anh H có 03 con chung tên Lê Thị Lan Hương, sinh ngày 19/7/2005, Lê Thanh Vân, sinh ngày 21/8/2012 và Lê Minh Khang, sinh ngày 08/11/2018. Về tài sản chung của vợ chồng anh H có những tài sản gì bà không biết.

Biên bản xác minh với địa phương thể hiện: Anh H và chị Mai có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quang Hưng, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên (nay là xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 15/10/2004. Vợ chồng có hộ khẩu thường trú tại địa phương và có 03 con chung tên Lê Thị Lan Hương, sinh ngày 19/7/2005, Lê Thanh Vân, sinh ngày 21/8/2012 và Lê Minh Khang, sinh ngày 08/11/2018, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn như thế nào và có những tài sản gì chung thì địa phương không nắm được.

Quan điểm của cháu Vân, cháu Khang thể hiện: H cháu đều có nguyện vọng được ở với anh H.

Ngày 14/4/2026 Tòa án mở phiên tòa để xét xử vụ án nhưng chị Mai vắng mặt. Tòa án đã hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa do nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ H không có lý do. Căn cứ vào quy định của BLTTDS, Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Căn cứ các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình; điều 28, 35, điểm a khoản 1 điều 39; điều 147, 227, 228, 469, 479 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Quý H được ly hôn chị Hoàng Thị Thanh Mai.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thanh Vân sinh ngày 21/8/2012, cháu Lê Minh Khang sinh ngày 08/11/2018 cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Vân, cháu Khang đủ 18 tuổi, tự lập được. Ghi nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị Mai cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì quyền lợi của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con; yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không đề nghị xem xét, giải quyết

4. Về án phí: Anh H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi đã nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của đương sự, quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thẩm quyền:* Anh Lê Quý H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết việc ly hôn giữa anh với chị Hoàng Thị Thanh Mai. Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn trong vụ án là chị Hoàng Thị Thanh Mai có hộ khẩu thường trú thôn Thọ Lão, xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS. TAND khu vực 1 – Hưng Yên thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] *Về việc kết hôn của anh H, chị Mai:* Anh H, chị Mai kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quang Hưng, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên (nay là xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên) vào năm 2004, việc kết hôn của anh chị đảm bảo các quy định của pháp luật. Do vậy hôn nhân của anh H, chị Mai là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Anh H có đơn xin ly hôn sẽ áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3] *Về mâu thuẫn vợ chồng:* Qua bản tự KH của anh H cũng như lời KH của người làm chứng, người liên quan có trong hồ sơ vụ án thể hiện cuộc sống vợ chồng giữa anh H, chị Mai không hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn và cả H đều không tự giải quyết được, mặt khác Tòa án đã triệu tập họp lệ đối với chị Mai để làm việc, hòa giải trên cơ sở đó tìm giải pháp tháo gỡ những mâu thuẫn đang tồn tại, hàn gắn tình cảm nhưng chị Mai đều vắng mặt, bản thân H bên không ai còn quan tâm, trách nhiệm với ai, chấm dứt mọi quan hệ. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn tồn tại đã quá trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không thể duy trì nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xét thấy chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H là phù hợp với thực tế cuộc sống vợ chồng và pháp luật.

Về con chung: Anh H, chị Mai có 03 con chung tên Lê Thị Lan Hương, sinh ngày 19/7/2005, Lê Thanh Vân, sinh ngày 21/8/2012 và Lê Minh Khang, sinh ngày 08/11/2018. Cháu Hương đã thành niên, tự lập được cuộc sống, anh H không có yêu cầu đề nghị gì. Đối với cháu Vân, cháu Khang anh H có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, nguyện vọng của anh H là chính đáng, thể hiện được tình cảm cũng như trách nhiệm của người cha đối với các con chưa thành niên, hiện nay cháu Vân, cháu Khang đang sinh sống cùng anh H, cuộc sống của các cháu ổn định, gia đình đều quan tâm, yêu thương các cháu, bản thân H cháu cũng có nguyện vọng được ở với anh H. Do đó, để ổn định cuộc sống cũng như đảm bảo sự phát triển bình thường về tâm sinh lý, tránh xáo trộn nên cần thiết giao cho anh H nuôi dưỡng cháu Vân, cháu Khang đến tuổi thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của anh H về việc không yêu cầu chị Mai cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí DSST. Đối trừ số tiền mà anh H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003672 ngày 01/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, anh H đã nộp đủ tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 238; 469; 479 của BLTTDS; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 54 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho anh Lê Quý H được ly hôn chị Hoàng Thị Thanh Mai.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thanh Vân, sinh ngày 21/8/2012 và Lê Minh Khang, sinh ngày 08/11/2018 cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chị Mai không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh H. Chị Mai có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Vì quyền lợi của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con; yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không giải quyết.

4. Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí DSST. Đối trừ số tiền mà anh H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003672 ngày 01/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, anh H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Phòng Giám đốc, kiểm tra, thanh tra và thi hành án tỉnh;
- VKS khu vực I- Hưng Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Quang Hưng, Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh;
- Lưu HS.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Á